



Biệt Động Quân

Thái Tân Truyền, Úc châu

Vẫn nhớ đủ lâu thời khói lửa
Nam nhi hồ thỉ, nợ tang bồng
Chiến tranh, tổ quốc đang nguy biến,
Trách nhiệm, lên đường, lệnh núi sông

*Vẫn nhớ đủ lâu thời Biệt Động
Giày sô, nón sắt, gió biên phòng
A Sau, A Lưới: Rừng mưa pháo
Quảng Trị, Khe Sanh: Lửa chiến trường*

Vẫn nhớ đủ lâu: Đồi Biệt Động
Ba lô, áo trận, lá hoa rừng
Mũ nâu Biệt Động: luôn chinh chiến
Binh chủng kiêu hùng: Biệt Động Quân

*Thèm bước chân lên rừng núi cũ
Thèm hong gió lạnh của Trường Sơn
Thèm mang áo giáp ra biên trấn
Thèm áo màu hoa Biệt Động Quân*

Muốn mang lại: chiếc giày xung trận
Muốn khoác ba lô, dầm chiến trường
Muốn đi dưới bóng cờ quang phục
Muốn về xây dựng một quê hương

*Mong ước: Trong lòng vẫn ước mong
Mơ ngày: Rạng rỡ một non sông
Việt Nam tổ quốc ta yêu dấu,
Mong có: Ngày mai của núi sông*

Trần Tâm Tịnh

Mầu Thời Gian

Phạm Gia Đại

Nhiều khi chúng ta tự hỏi không biết thời gian mầu gì? Thời gian là trừu tượng, là sự trống không vô hình bao quanh chúng ta cả ngày lẫn đêm mà chúng ta không thể thấy được, vậy mà người ta vẫn gán cho thời gian thật nhiều mầu sắc. Những thương gia, kỹ nghệ, chính trị gia làm ăn thành công tiền rừng bạc biển, công thành danh toại thường nhìn thời gian qua một mầu hồng tươi sáng. Những mảnh đời ba chìm bảy nổi long đong trên thương trường và lận đận trong tình cảm nhìn thấy thời gian là một mầu xám ảm đạm và u buồn. Ngược lại những cặp uyên ương đang dự tính dệt bao mộng ước cho tương lai thì thời gian là một mầu xanh ngọc biếc.

Đó là nói về con người đang sinh sống trên trái đất xoay vần này, nhưng về vũ trụ quan thì mầu gì sẽ dành cho một quốc gia khi đang đầy sức sống bỗng nhiên bị bức tử? Đó chính là một mầu đen tang tóc, một bóng đen ma quái chợt phủ ập xuống hết vạn vật xóa đi mọi mầu sắc tươi sáng và nhuộm đen toàn thể đất nước. Đó là một miền Nam sau ngày Sài Gòn sụp đổ đúng 40 năm trước. Một trận động đất và sóng thần kinh thiên động địa đã xảy đến cho một miền Nam VN hiền hòa yêu người, yêu đời, và yêu tự do, công bình, và bác ái. Người dân trong ngày tang thương chết chóc đó chỉ còn biết thúc thủ trước đại nạn của quê hương bởi vì chính họ cũng không hề biết rằng chẳng bao lâu nữa thì hàng triệu triệu người dân lớp bị giết hại bởi chủ nghĩa cộng sản ngoại lai,

lớp bị đầy ải trong gông cùm trong những nhà tù mọc lên như nấm trong một đất nước tự hào là “thống nhất” là “độc lập, tự do”, lớp mất tích hay thiệt mạng trên đường vượt biên tìm tự do. Một quốc gia hùng mạnh thịnh vượng tự do dân chủ đầy tình nhân bản đã không còn nữa và một xã hội hoàn toàn đảo ngược đã được khai sinh để khai tử chế độ nhân bản trước đó.

Thời gian như một khối băng đảo vẫn lạnh lùng trôi và như thờ ơ với mọi biến đổi thăng trầm của dương thế. Nhìn trở lại 40 năm trước, sáng ngày 30 tháng Tư năm 1975, người dân Sài Gòn không khỏi bàng hoàng và rúng động khi nghe lệnh đầu hàng của Tướng Dương Văn Minh – Big Minh, vị tổng thống chỉ định tạm thời của chế độ Cộng Hòa cuối cùng của miền Nam, phát đi trên các làn sóng từ thủ đô Sài Gòn. Họ đã cảm thấy như thế giới bỗng sụp đổ dưới chân mình. Dù rằng trước đó viễn ảnh đen tối một ngày nào đó sắp đến cộng sản sẽ vào được thành phố vì quân đội Cộng Hòa đã hết súng đạn, máy bay, không còn nhiên liệu và pháo binh, đã lặng thinh khi không còn đạn pháo. Đồng minh Hoa Kỳ sau khi Tổng Thống Richard Nixon và cố vấn Henry Kissinger bắt tay với Chu ân Lai sau những yên tiệc linh đình dành cho các bậc cung đình vua chúa tại Bắc Kinh năm 1972 chính là ngày họ đã ấn định để bức tử miền Nam.

Và một hiệp định Ba Lê được ký kết vội vàng giữa Mỹ và Bắc Việt ngày 27-01-1973 theo kế hoạch của Hoa Kỳ để tất cả các quân đội đồng minh và Mỹ đang trợ giúp miền Nam sẽ rút hết quân đội của họ về nước, bỏ lại QLVNCH một mình, thiếu vũ khí đạn dược, phải đương cự với cả một khối cộng sản hung bạo, sát máu và thủ đoạn. Hiệp định Paris đã kéo dài nhiều năm không đi đến một kết quả nào vì phía Bắc Việt vẫn cố tìm những chiến thắng trên chiến trường để làm hậu thuẫn cho những đòi hỏi của họ tại bàn đàm phán. Nhưng thực tế, Bắc Việt đã không tìm được một chiến thắng nào trên chiến trường mà họ thua hết trong các trận chiến lớn, từ Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân 1968 khi hầu như toàn bộ lực lượng Việt

Cộng của họ trong miền Nam đã bị tiêu diệt sau hai đợt tổng tấn công đó. Rồi hàng trăm căn cứ hậu cần lớn nhỏ tàng trữ vũ khí đạn dược, xăng dầu, v.v.. của Cục “R” tại Campuchia đã bị QLVNCH năm 1970 càn quét qua Miền phá hủy toàn bộ. Quân Bắc Việt cũng đại bại tại Đông Hà và QLVNCH đã tái chiếm lại cỏ thành Quảng Trị năm 1972. Cũng cùng trong năm 1972, Hà Nội lại thảm bại tại trận chiến An Lộc. Bắc Việt đã mất gần hai sư đoàn sau 100 ngày vây hãm Sư Đoàn 5 BB của QLVNCH và các đơn vị bạn trong quận lỵ An Lộc nhỏ bé. Tinh thần quyết chiến quyết tử của QLVNCH đã bẻ gãy hết các chiến dịch Xuân Hè qua Thu Đông của Bắc Việt.

Tuy nhiên tại bàn đàm phán phe Bắc Việt vẫn liên tục gây khó khăn cho phái đoàn Hoa Kỳ, cho đến khi Lê Đức Thọ bỏ phòng họp làm yêu sách thì Hoa Kỳ không còn kiên nhẫn được nữa và trận dội bom 12 ngày đêm B-52 rải thảm trên thành phố Hà Nội và phong tỏa cảng Hải phòng vào dịp lễ giáng Sinh năm 1972 đã buộc Bắc Việt phải trở lại vòng đàm phán biết điều hơn và nghiêm chỉnh hơn. Sau đó thì một Hiệp Ước Paris đã ra đời song phương giữa Mỹ-Bắc Việt, bất chấp sự phản đối mạnh mẽ từ phía chính phủ VNCH.

Quy luật của chiến tranh là kẻ mạnh sẽ thắng và kẻ yếu sẽ thua nhưng nhìn kỹ trở lại lịch sử chiến tranh Quốc-Cộng trong hai thập niên (1954-1975) thì Bắc Việt không mạnh và QLVNCH không yếu nhưng miền Nam đã mất vì đồng minh đã bán đứng miền Nam cho Nga Tàu. Khi thấy quân lực miền Nam quá hùng mạnh thì “đồng minh” Hoa Kỳ đã cắt dần viện trợ, vào đầu năm 1975 từ một tỷ USD xuống còn 700 triệu và xuống 300 triệu rồi cuối cùng là zero USD để chế độ Cộng Hòa phải sụp đổ.

Và khi thấy quân đội miền Nam vẫn can trường ngoài chiến địa và quân Bắc Việt vẫn không thể chiến thắng được trên chiến trường và cuộc chiến tranh đã không kết thúc nhanh như người Mỹ mong muốn và chế độ Cộng Hòa vẫn vững vàng thì họ đã sử dụng lại Big Minh để ra lệnh đầu hàng ngay

và bức tử ngay chế độ Cộng Hòa và dứt khoát ra đi vào sáng ngày 30-4-1975. Chuyến trực thăng trong đêm 29 về sáng 30 tháng 4-1975 là chuyến cuối cùng chở người di tản rời nóc tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn để bay ra Đệ Thất Hạm Đội và kế hoạch di tản “Frequent Wind” được loan báo đã hoàn tất. Trong thực tế người Mỹ ra đi nhưng đã để lại hầu như toàn bộ chế độ VNCH nòng cốt và những nhân viên ưu tú vào trong tay sinh sát của Cộng Sản Bắc Việt.

Nước Mỹ đã cố tìm cách quên đi 10 năm họ đã chiến đấu ở miền Nam, cố quên đi trên 58 ngàn lính Mỹ đã hy sinh vì lý tưởng tự do cho miền Nam VN và cho thế giới, cố quên đi



T54 của CSBV bị bắn cháy trên đường Trương Minh Giảng, ngày 30-4-75. Phía sau là nhà thờ Ba Chuông

để hướng tới phía trước với những hứa hẹn màu hồng trong giao dịch thương mại với Hoa Lục. Nhưng dân miền Nam lại không thể quên được, hay nói cho đúng ra, dân chúng miền Nam bắt đầu phải ghi nhớ về một chặng đường lịch sử khổ đau mất mát kinh hoàng mới với đầy máu và nước mắt và khổ nhục đang mở ra khi những chiếc xe tăng T-54 của Nga chế tạo do lính Bắc Việt lái đang từ từ lăn bánh vào thành phố Sài

Gòn thân yêu vào ngày lệnh đầu hàng được Big Minh tuyên bố.

Khi người Mỹ rút đi, có thể họ biết nhưng cũng có thể không thể biết được rằng họ đã để lại một hệ lụy chiến tranh tàn khốc nhất trong lịch sử nhân loại khi hàng chục triệu người dân miền Nam bị cướp hết tài sản qua những chiến dịch đánh tư sản mại bản, qua hai lần đổi tiền, qua kế hoạch đẩy dân thành phố đi kinh tế mới để cán bộ địa phương lấy nhà cửa ruộng vườn ao cá của người dân, khi hàng triệu người phải đi “cải tạo” tập trung, hàng ngàn người bị giết hại ngay sau khi lệnh đầu hàng vừa ban ra, và hàng chục ngàn sĩ quan viên chức chế độ cũ đã gục ngã trong lao tù Cộng Sản. Và điều kinh hãi nhất là các giá trị nhân bản, nếp sống gia đình, lòng nhân ái yêu tự do dân chủ mà chế độ Cộng Hòa đã kiến tạo được tại miền Nam trong hai thập niên đã bị người Cộng Sản lấy chủ nghĩa giáo điều của họ vùi dập lên để xóa sạch các “di tích” của chế độ cũ.

Thời gian như bóng câu qua cửa sổ, vậy mà bốn thập niên hay 40 năm đã lạnh lùng trôi đi trên quê hương Việt Nam. Nhìn lại thì đau thương càng chồng chất, và bất hạnh càng phủ lên trên những khổ đau và chết chóc. Từ một Viên Ngọc Viễn Đông của Sài Gòn ngày trước với một nền kinh tế đang phát triển dù sơ khai nhưng đã vượt mặt các quốc gia trong vùng Đông Nam Á, một miền Nam mà người Đại Hàn lúc đó mong mỏi được sánh vai, bây giờ sau 40 năm đang nằm ở gần dưới tận cùng của tất cả các thứ hạng và phương diện trong thống kê từ kinh tế, chính trị, văn hóa, cho đến tự do tôn giáo, nhân bản và nhân cách.

Có điều kỳ lạ là người Cộng Sản lúc nào cũng tự tôn với chủ nghĩa “anh hùng giải phóng” của họ và thần thánh hóa lãnh tụ của họ, người dân được mỹ tự hóa lên “làm chủ đất nước” nhưng không còn manh áo trong khi lãnh tụ “đầy tớ của dân” thì phút chốc từ trong hang Pắc Bó đi ra bỗng trở thành những kẻ trọc phú nắm trong tay hàng tỷ đô la Mỹ. “Đầy tớ

của dân” thì ngòi ngắt ngưỡng chót vót trên chiếc ngai vàng đề đầu cuỡi cổ lên “người chủ đất nước” nằm dưới đất đen. Đó là hình ảnh rõ nét nhất của một miền Nam sau 40 năm dưới sự cai trị của Cộng Sản.

Chúng ta đừng lấy làm lạ tại sao báo chí Nhật Bản đã tổ giác hàng trăm nhân viên phi hành của Việt Nam Cộng Sản và các con cháu các cán bộ gộc qua Nhật du học đã bị bắt vì buôn lậu hay ăn cắp hàng hóa. Đừng ngạc nhiên khi nhiều người Nhật và báo chí họ đã khinh khi người Việt qua nước họ như vậy. Có điều chúng ta cần phải minh xác với người Nhật và nước Nhật rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc có nền văn hóa cao và lâu đời vào bậc nhất thế giới; rằng những người hiện đang chiếm cứ Hà Nội năm 1954 và Sài Gòn năm 1975 không phải là người dân của Hà Thành lịch lãm và Sài Gòn văn minh ngày xưa; rằng họ, và con cháu họ sau này, là những người từ trong rừng đi ra thành phố cho nên vẫn áp dụng luật rừng.

Thời gian vẫn lạnh lùng trôi đi nhưng có bao giờ không, có khi nào không thời gian sẽ quay trở lại chốn cũ để cho tôi có một ngày nào đó được nhìn lại thành phố Sài Gòn thân yêu của tôi ngày nào, để lại được nhìn thấy mẹ tôi với đàn con quây quần chung quanh và thấy lại được niềm tin cho cuộc đời trên quê hương tôi.



BAN CHẤP HÀNH

Một Số Hội BDQ

Trên Khắp Thế Giới

1. Hội BDQ QLVNCH Nam Úc, Australia

Hội Trưởng: BDQ Trần Đình Nghị

Hội Phó Nội Vụ: BDQ Trần Ngọc Thành

Hội Phó Ngoại Vụ: BDQ Trương Kinh Thời

Thủ Quỹ: BDQ Cao Đăng Tấn

Ủy Viên Ủy Lạc: BDQ Nguyễn Văn Vân



BDQ Nam Úc

2. Hội BDQ New South Wales, Australia:

Hội Trưởng: BDQ Huỳnh Văn Xem:

Hội Phó Nội Vụ: BDQ Bùi Quang Trung:

Hội Phó Ngoại Vụ: BDQ Hậu Duệ Thân Đức Minh Trí

Thư Ký: BDQ Nguyễn Thanh Bình

Thủ Quỹ: BDQ Phạm Mạnh Hoàng

Ủy Viên Kế Hoạch: BDQ Lê Văn Ngân

Ủy Viên Xã Hội và Giao Tế: Bà Phan Ngọc Ánh

(Phu nhân BDQ Phạm Văn Thu)

Chuẩn bị buổi lễ của Hội BDQ New South Wales. Mặc veston, đứng dưới, là BDQ Hậu Duệ Thân Đức Minh Trí, hội phó phụ trách ngoại vụ.



3. Hội BDQ Victoria, Australia:

Hội Trưởng kiêm Thủ Quỹ: BDQ Nguyễn Phú Hải,
Tổng Thư Ký: BDQ Nguyễn Hữu An,
Hội viên hoạt động: BDQ Vũ Văn Sơn



Hội Trưởng BDQ Nguyễn Phú Hải (thứ hai hàng bên phải) trong buổi họp của Ban Chấp Hành Victoria.

4. Hội BDQ Georgia:

Hội Trưởng: BDQ Nguyễn Tấn Dũng
Hội Phó Ngoại Vụ: BDQ Nguyễn Văn Huấn
Hội Phó Ngoại Vụ: BDQ Trần Khôi
Hội Phó Nội Vụ: BDQ Huỳnh Khâm



Một buổi họp mặt của BĐQ Georgia. BĐQ Nguyễn Tấn Dũng, hội trưởng, đứng bên trái.

5. Hội BĐQ Houston, Texas:

Hội trưởng: BĐQ Đặng Hưng Vương

Hội Phó Nội Vụ chánh: BĐQ Nguyễn Qua

Phụ tá: BĐQ Đoàn Tấn Dũng

Hội Phó Ngoại Vụ chánh: BĐQ Nguyễn Ngọc Khoan

Phụ tá: BĐQ Nguyễn Văn Khanh

Thư ký: BĐQ Nguyễn Nghĩa Thủ quỹ: BĐQ Đào H. Phong

* Ban Cố vấn:

Các huynh trưởng tiền nhiệm + BĐQ Giang Văn Xền



BĐQ Houston, Texas.

6. Hội BDQ Bắc California

Hội Trưởng: BDQ Trần Song Nguyên

Hội Phó đặc trách Nội Vụ: BDQ Lê Đình Hưng

Hội Phó đặc trách Ngoại Vụ: BDQ Nguyễn Đăng Khoa.

Trưởng ban Xã Hội: BDQ Nguyễn Đình Huệ

Thủ Quỹ: BDQ Tôn Thất Tuấn

Thư Ký: BDQ Ngô Thuận Thời

* Ban Giám Sát và Cố Vấn:: Các BDQ Nguyễn Xuân Diển, Trần Đình Hòa, và Nguyễn Ngọc Tri



*Ban Chấp Hành Hội BDQ Bắc California trình diện
(Hội Trưởng BDQ Trần Song Nguyên đứng bên trái).*

7. Hội BDQ Nam California

Hội Trưởng: BDQ Phạm Văn Thuận.

Hội Phó: BDQ Hồ Công Bình

Tổng Thư Ký: BDQ Ngô Dư

Thủ Quỹ: BDQ Bùi Duy Vinh

Ủy Viên Nghi Lễ: BDQ Trần Anh Tuấn

BDQ Nguyễn Phú Thuận

Ủy Viên Truyền Thông: BDQ Văn Hữu Hà

Ban Cố Vấn:

Các BDQ Phan Thái Bình, Trần Tiến San, và Cai Văn Trung



BDQ Nam California đồng ca BDQ Hành Khúc, 2014.

8. Hội BDQ Washington, DC và Vùng Phụ Cận



Hội Trưởng: BDQ Nguyễn Đình Sinh

Hội Phó Ngoại Vụ, kiêm Thủ Quỹ: BDQ Nguyễn Văn Hào (bên phải)

Hội Phó Nội Vụ: BDQ Trần Nguyên Công
Thư Ký: BDQ Bùi Văn Thông

9. Gia Đình BDQ San Diego, California

Đại diện: BDQ Lê Lào

Phó Đại Diện: BDQ Nguyễn Văn Ý

Tổng Thư Ký: BDQ Nguyễn Hạnh

Thủ Quỹ: BDQ Nguyễn Cẩm

Trưởng Ban Văn Nghệ: BDQ Phạm trần Thế

Trưởng Ban Xã Hội: Bà Võ văn Dương



Vết Thương Đứt Ruột

(Gửi linh hồn ký giả James Foley)

Trần Mộng Tú

Hôm qua, tôi tới nhà thờ xin một lễ cầu bình an cho gia đình ông bà Foley, mặc dù tôi không hề quen, biết ông bà.

Hai tuần trước, nhà thờ St. Louise họ đạo nơi tôi đang sống, ngay trong buổi lễ ngày chủ nhật, vị linh mục, ngưng tiến hành nghi lễ, yêu cầu mọi người cúi đầu cầu xin cho những người Công Giáo đang bị sát hại ở Syria, nhất là các em bị sát hại còn rất nhỏ.

Tôi đã nhận những hình ảnh các em bé bị cắt mắt đầu qua email, nhưng chỉ nhìn tấm hình đầu tiên là tôi đã hồn xiêu, phách lạc, không dám xem tiếp. Những tin tức như thế làm mình không cầm giữ được sự xung đột trong lòng, vừa phần nộ vừa kinh ngạc cho sự dã man của con người với con người, vừa thương xót cho những nạn nhân vô tội, các em bé chưa nói sỏi, cha mẹ còn bồng trên tay.

Chiến tranh, chết vì súng đạn, tù nhân chết vì tra tấn hàng ngày, đâu đó, vẫn xảy ra trên thế giới. Nhưng cái hình ảnh một người cầm giao cốt một người, cắt cổ một đứa bé thì thật man rợ và dã man đến tột cùng.

Những điều ám ảnh ghê sợ đó còn luẩn quẩn trong đầu, nặng trĩu trong ngực tôi.

Tin nhà báo James Foley bị quân Hồi Giáo cắt đầu tiếp

đến. Bạn bè kinh hoàng gọi nhau, chỉ để chia xẻ sự sợ hãi và rùng mình cho cái dã man đến ghê tởm.

Tôi chỉ đọc tựa về cái chết của nhà báo James Foley và xem một tấm hình duy nhất: hình người đàn ông Mỹ mặc cái áo trùm dài màu vàng, hai tay trói ngược ra sau quỳ trên sa mạc, và đao phủ cũng phủ kín thân thể bằng quần áo và khăn che mặt màu đen, cầm một con dao cán ngắn, đứng bên cạnh, trong tư thế sẵn sàng cắt cổ nạn nhân, là cả người tôi đã rung lên kinh hoàng, lòng quặn thắt. Tôi không dám xem những đoạn *video* nào khác nữa. Thấy những cái tựa kèm theo hình ảnh về cái chết thảm khốc đó là tôi xóa ngay trên máy.

Tôi đã làm việc gần mười năm với những ký giả người ngoại quốc ở quê nhà. Phần đông là ký giả Mỹ, nhưng cũng có Nhật, Anh và Pháp. Sau 1975 ra hải ngoại tôi lại giao thiệp thân thiện với khá nhiều những ký giả chuyên nghiệp hoặc những người làm báo nghiệp dư Việt Nam. Với tôi, phần đông, họ là những người bạn rất đáng quý. Họ yêu nghề, yêu một cách nồng nhiệt.



James Foley tại Syria

Những ký giả của Associated Press, nơi tôi làm việc, đã lần sả vào chiến trường Việt Nam hồi đó. Họ không sợ chết vì súng đạn, họ không sợ bị bắt làm tù binh. Với họ chỉ là tiếng gọi của nghề nghiệp, cái nghề họ đã chọn và gửi vào đó một lý tưởng, sự đam mê, và bổn phận trách nhiệm. Tôi đã nhận được những tin dữ hơn một lần: ký giả bị bắn chết, hay bị thương ở chiến trường. Nhưng những người còn sống trở về, không vì thế mà chùn chân. Họ lại tiếp tục đi theo quân đội VNCH trong những lần hành quân kế tiếp.

Đúng như câu nói của Rod Dreher, nhà bình luận báo chí, được chọn ghi trên bức tường trong Viện Bảo Tàng Báo Chí (News Museum): “*There are three kinds of people who run toward disaster, not away: cops, firemen, and reporters.*” Dĩ nhiên lời nói này dành cho những người chân chính trong nhiệm vụ của họ.

James Foley là một nhà báo chân chính, anh đã chạy vào nơi nguy nan nhất, tai họa nhất và cái chết kinh hoàng nhất đã đến với anh. Có lẽ trước khi rời phần đất an bình ra đi, anh đã biết những rủi ro nào đang đợi anh trước mặt.

Và điều tệ hại, dã man nhất, đã xảy ra cho người ký giả 40 tuổi này. Sau anh, không biết còn bao nhiêu ký giả nữa sẽ bị chịu chung một số phận ở cái pháp trường cát đỏ? Và bao nhiêu ký giả nữa vẫn tiếp tục đến những vùng đất nguy hiểm Trung Đông để làm nhiệm vụ của mình?

Ủy ban Bảo Vệ Nhà Báo có trụ sở ở New York lên án vụ hành quyết anh Foley và nói việc giết người man rợ đó làm tất cả mọi người ghê tởm. Tổ chức này nói rằng Syria đã trở thành đất nước nguy hiểm nhất trên thế giới đối với các nhà báo trong 2 năm qua khi có ít nhất 69 nhà báo khác đã bị giết ở đây và hơn 80 người bị bắt cóc, cùng 20 người khác hiện đang mất tích. (VOA)

Gia đình James tin rằng, anh đã hy sinh mạng sống mình cho những con tin khác đang bị giam giữ và cái chết của anh cho thế giới hiểu được nỗi khổ mà người dân Syria đang chịu đựng.

Cha của Jame nói là ngay hôm nay thì ông chưa có thể tha thứ cho kẻ giết con ông, nhưng là một *Christian*, ông nghĩ là ông sẽ tha thứ.

Ông Foley chắc chắn đã đọc và thấu đáo lời *Kinh Hòa Bình* của Thánh Phanxico:

*Đem yêu thương vào nơi oán thù
Đem thứ tha vào nơi lăng nhục*

*Đem an hòa vào nơi tranh chấp
Đem chân lý vào chốn lối lầm.
Vì chính khi thứ tha là khi được tha thứ.*

Bây giờ ông còn phải đọc hàng ngày kinh này để đốt lên ngọn nến tha thứ cho kẻ, không phải chỉ oán thù, lãng nhục, tranh chấp với mình mà phải tha thứ cho kẻ đã giết con mình bằng hành động dã man nhất. Sự tha thứ tội ác này không phải ai cũng làm được.

Đức Giáo Hoàng Francis Xavier đã gọi điện thoại từ Vatican đến gia đình James và phân ưu cùng ông bà Foley. Qua thông dịch viên, ngài nói chuyện với họ hơn 20 phút. Điều này là một niềm an ủi lớn lao và quan trọng cho gia đình Foley.

Nhưng phải cần một thời gian dài bao lâu thì ông bà Foley mới lành được “Vết Thương Đứt Ruột” này. Tôi nghĩ lâu lắm và có khi họ mang mảnh lòng đau thương đó cho đến ngày gặp lại con mình ở thế giới khác. Tha thứ cho kẻ thù thì được nhưng quên đi cái chết quá tàn nhẫn, đau thương của con mình, khó lắm!

Bao nhiêu người dân hiền lành ở Trung đông, chết bằng cách này hay cách khác. Bằng súng, bom, dao, bằng đói khát. Bao nhiêu người Hồi Giáo đã chết vì chính người Hồi Giáo.

Có ai an ủi họ không?

8/23/2014



Một chuyến đi

BĐQ Nguyễn văn Lạc

Một chuyến đi mà chúng tôi đã dự trù từ lâu, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên mãi gần một năm sau chúng tôi mới thực hiện được, trong nỗi lo âu về một người mà chúng tôi coi như là đàn em và cũng là đồng đội của mình, một người anh em chiến hữu đã từng kề vai sát cánh với chúng tôi trong thời chinh chiến.

Từ North Carolina, tôi bay về Dallas rồi xuống Houston để thăm anh chị Giang văn Xên, cũng luôn tiện bàn về chuyến đi sắp tới để thăm BĐQ Nguyễn văn Liên tại thành phố Portland, Maine. Anh Liên đã mang một căn bệnh ngặt nghèo, hiện tại bệnh tình đang tái phát sau nhiều năm chữa trị.

Sau khi tốt nghiệp khoá 3/69 SQTĐ, BĐQ Nguyễn văn Liên được đưa về TĐ42 BĐQ, đã nhanh chóng hoà nhập với anh em binh sĩ các cấp trong đơn vị. Từ chức vụ trung đội trưởng đầu tiên, anh đã nhanh chóng được đề cử nắm các chức vụ đại đội phó, rồi đại đội trưởng. Anh được thăng cấp ĐU thực thụ tại mặt trận trong một trận đánh vào tháng 7/1974, tại Phù Mỹ- Bình Định. Người ĐDP của anh là BĐQ Mai xuân Nghĩa, cũng là một con “gà nòi” của đơn vị cũng được đặc cách TR/U. Sau cùng BĐQ Nguyễn văn Liên là Trưởng Ban 3 của TĐ44 BĐQ.

Tôi và anh Xên còn đang phân vân chưa biết quyết định ra sao, thì chị Nga, bà xã anh Xên, đã nói một câu chân tình và đầy sự hy sinh làm tôi xúc động, trong khi anh Xên thì kín đáo trầm tư:

- Các anh hãy đi đi để không còn kịp nữa...

Một câu nói làm tôi xót xa, thương cảm về người bạn nơi miền cực Đông Bắc nước Mỹ, lạnh lẽo đầy tuyết phủ. Không biết giờ này anh ra sao vì gần một tháng nay chúng tôi mất liên lạc với anh. Chúng tôi có linh tính, anh đã gặp chuyện không may về sức khoẻ của mình, vì chúng tôi biết từ lâu anh mang trong người một căn bệnh ngặt nghèo. Khi biết chuyện, tôi vội quay đi, cố giấu giọt nước mắt hiếm hoi trong đời...



Sau khi lưu lại nhà anh Xên hai ngày, tôi trở lại NC thì vài ngày sau được anh Xên thông báo là chuyến đi sẽ khởi hành vào ngày 31/1/15 là thời gian thuận tiện cho anh. Mặc dầu trong thời gian đó thời tiết vùng Đông Bắc Hoa Kỳ rất xấu nhưng chúng tôi vẫn quyết định đi. Đi, nhưng đi theo kiểu đi mò, vì anh Liên đã đổi chỗ ở vì không muốn cho chúng tôi biết. Sau cùng thì chúng tôi cũng lạc được với anh nhưng không hỏi xin địa chỉ và cũng không chứng tỏ là chúng tôi sẽ lên thăm vì chúng tôi muốn dành cho anh một sự bất ngờ...

Một chuyến đi đầy áp tình thương đã được trao gửi từ những bạn bè, đồng đội của anh như:

- BDQ Mai xuân Nghĩa, ĐDP/ ĐĐ3 của anh, từ Houston TX

- BDQ Lê văn Khờ, ĐĐT/ ĐĐ4, sau cùng là TĐP/ TĐ42, từ Seattle WA

- BDQ Cái văn Cường, truyền tin của ĐĐ4 từ Houston TX

- Đặc biệt một thầy giáo của trường trung học Bồng Sơn là anh Nguyễn văn Thìn, từ Houston TX, người nặng tình với BDQ, nhứt là đối với BDQ Nguyễn văn Liên, cũng đã gửi trọn tình cảm của mình trong chuyến đi này của chúng tôi

- BDQ Huỳnh công Quân, TĐ85, cùng quê Bến Lức-Long

An

- BÐQ Nguyễn văn Ngọc, TĐ43, từ Raleigh NC, mặc dầu không biết, chỉ nghe nói lại thôi nhưng với tình huynh đệ chi binh cũng đã sốt sắng tiếp tay với chúng tôi

Riêng chúng tôi nhận lãnh chuyến đi này là:

- Niên Trưởng Giang văn Xên, TĐP/ TĐ42, sau cùng là TĐT/T Đ43 từ Houston TX

- Và tôi BÐQ Nguyễn văn Lạc, ĐĐT/ ĐĐ2, sau cùng là TĐP/ TĐ44 từ vùng quê vắng vẻ NC.

Còn có những khuyến khích, đóng góp nhiệt tình của tất cả mỗi thành viên trong gia đình của mỗi người vì nỗi lo âu về người chiến hữu của chúng tôi đang trong tình trạng sức khoẻ yếu kém. Ngoài vấn đề yểm trợ về tinh thần, chúng tôi còn gói ghém tình huynh đệ chi binh bằng một bao thư nhỏ mang theo trong cuộc hành trình về miền Đông Bắc giôngg bão.

Tôi và anh Xên hẹn gặp nhau tại phi trường Portland-Maine lúc 3 giờ rưỡi chiều 31/1/15. Trời vẫn còn u ám, nhưng không có tuyết rơi, đủ tốt cho phi trường hoạt động. Tuy nhiên thành phố vẫn còn chìm ngập trong tuyết trắng, bởi trận tuyết rơi liên tục trong hai ngày. Dù quyết định không báo trước để dành sự bất ngờ cho anh, nhưng khi nghĩ lại, nếu chúng tôi làm thế có thể ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khoẻ của anh vì xúc động, nên trên đường về khách sạn, chúng tôi đã thông báo cho anh Liên biết là chúng tôi hiện đang có mặt tại Portland.

Trả lời điện thoại là một người đàn bà mà tôi biết trước đây, trong một lần đến thăm anh Liên cách đây gần 20 năm. Đó là chị Tinh, dáng người khoẻ mạnh, tầm thước, nói chuyện nhỏ nhẹ, tuy nhiên cũng không thiếu phần hoạt bát. Khi chúng tôi gọi đến cũng là lúc chị đưa anh Liên về nhà sau 1 tháng 5 ngày nằm bệnh viện. Chị trao điện thoại lại cho anh Liên. Anh nói với giọng còn yếu, vương chút mệt mỏi nhưng mừng rỡ. Chúng tôi hẹn đến thăm anh vào ngày hôm sau

Đặc biệt, chị Tinh và BÐQ Liên chỉ là hai người bạn kết nghĩa trên bước đường lưu lạc nơi xứ người để giúp đỡ lẫn nhau trong lúc vui buồn. Theo tôi nghĩ đây là một tình cảm hiếm có đầy tình cảm của con người.

Ngày hôm sau, trong khi chờ đợi thời tiết tốt hơn, chúng tôi đã đến khu shopping để mua ít thức ăn và đồ dùng. Chúng tôi dự định đến thăm anh vào buổi trưa, để ngày hôm sau từ giã trở về gia đình, vì chương trình đi của chúng tôi chỉ có 3 ngày: ngày đi, ngày ở, và ngày về.

Nơi anh ở là một khu chung cư nhỏ, yên lặng, xung quanh đây tuyệt được ủi lên thành những đồng bít cả lối đi. Anh Liên đang ngồi trên chiếc giường nệm nhỏ, tay cầm cây gậy trông dáng có vẻ mệt mỏi, tuy nhiên cũng không dấu được niềm vui khi tái ngộ với chúng tôi. Chúng tôi đã gặp chị Tinh, kể cả người thông dịch viên am tường về bệnh trạng của anh từ khi bắt đầu khởi bệnh, và cả cô em gái thứ 11 của anh, đến thăm mà không báo trước từ San Jose. Tôi đã thay mặt 8 người có tên trong danh sách ở trên trao cho anh món quà nhỏ để trong bao thư.

Chúng tôi hàn uyên tâm sự đến chiều thì tôi và anh Xên xin từ giã về khách sạn để chuẩn bị cuộc hành trình ngày mai trở lại miền nắng ấm

Nhưng ông Trời đã phụ lòng người, chuyến bay bị huỷ bỏ vì bão tuyết sắp đến. Phi trường đóng cửa 2 ngày, do đó chúng tôi phải đặt lại chuyến bay và “dậm chân tại chỗ” thêm 2 ngày nữa. Phần tôi không có gì phải lo nhưng tôi rất thông cảm với anh Xên, người đàn anh mà tôi rất kính mến đang có nỗi lo... Tuy nhiên đâu rồi cũng vào đấy, các cháu đã chu toàn cho anh mọi việc ở nhà. Cho nên người xưa có nói: *”muôn sự tại nhân, thành sự do thiên.”*

Trong cái rủi lại có cái may, nhờ ở lại hai ngày nên chúng tôi có dịp tiếp xúc với anh Liên và gia đình chị Tinh nhiều hơn. - Âu đó cũng là cái **DUYÊN**, phải không **BY**? Như vậy

là tôi trách lầm ông Trời, “*Cầu xin ông tha tội cho.*”

Trong 2 ngày còn lại chúng tôi phụ giúp chị Tĩnh và em gái anh Liên thu vén lại căn chung cư có phần chật hẹp của anh. Trong 2 ngày còn lại này, chúng tôi thấy anh Liên có vẻ tươi tỉnh hơn, đôi khi đi trong nhà không cần gậy. Anh còn đi theo cháu Nguyễn Minh Hoàng, con của chị Tĩnh, một thanh niên, cao ráo, mạnh mẽ. Chúng tôi được biết, cháu Hoàng chính là người chở anh Liên hay nói đúng hơn là làm áp lực để đưa anh đi bệnh viện. Thật may mắn, bác sĩ cho biết: chỉ trễ một ngày thôi là không xong. Còn chị Tĩnh mặc dầu bận bịu giữ cháu, không ở chung nhưng thường xuyên đến giúp đỡ anh về mọi việc. Đặc biệt, anh có một người bạn già láng giềng người Mỹ thường xuyên tới lui, truyện trò, và giúp đỡ.

Chiều tối ngày cuối cùng, chúng tôi còn được gia đình chị Tĩnh mời chúng tôi đến nhà hàng khá khang trang, do con trai lớn của chị làm chủ. Tôi và anh Xên đã ý nhị nhìn nhau mỉm cười, khi thấy anh Liên đã ăn ngon lành hết một một tô phở đặc biệt! Sau đó chúng tôi từ giã trở về khách sạn, để sáng sớm hôm sau ra phi trường xuôi Nam.

Bao nhiêu năm chinh chiến, lặn lội ngoài trận địa cho đến ngày 30 tháng 4 năm 75, để mãi cho đến bây giờ, nhân chuyến đi này, qua 4 đêm nơi khách sạn, anh em chúng tôi mới có dịp tâm sự nhiều hơn về những chuyện đã qua và hiện tại trong cuộc đời. Nói đúng ra, tôi là người tâm sự, anh chỉ là người nghe. Thỉnh thoảng anh lên tiếng để làm sáng tỏ một vài vấn đề nằm trong góc khuất về những lời tâm tình của tôi. Anh cũng cho tôi hiểu thêm nhiều về chữ **DUYÊN** trong đời sống tâm linh con người.

Anh Xên còn nói:

- Biết đâu chuyến đi này đến gặp Liên, sẽ làm cho nó lạc quan hơn, thực tế hơn... vì thế mà nó thêm sức sống cùng với anh em.

Một lần nữa, tôi vội quay mặt đi để che dấu cảm xúc. Và

cũng một lần nữa, âu cũng là một chữ **DUYÊN**.

Sau cùng, cũng không quên bộc lộ những tâm tình rất thực tế hầu giúp anh có thêm sức sống, chúng tôi từ giã anh Liên trong lưu luyến. Chúng tôi hiểu rằng, bạn bè đồng đội của anh cũng hiểu rằng, tất cả mọi người luôn luôn quý mến anh và cầu nguyện cho anh sớm được bình phục.

Tôi nói thầm trong tim khi ghi lại những dòng chữ này:

- Hai Mươi Ba (Liên) ơi! Người chiến binh dũng cảm năm xưa, chúng tôi luôn luôn nhớ về bạn và cầu nguyện cho bạn được bình an.

Nhân dịp ngày Quốc Hận 30/4 chúng tôi cũng xin thấp nén hương lòng để tưởng niệm về những Quân Dân Cán Chánh của VNCH đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, trong lao tù CS, trên đường vượt biên tìm tự do... đặc biệt tưởng niệm đến:

- T/T Quách hồng Quang, K14/SQTBTĐ, TĐT/TĐ44 BĐQ sau cùng, đã bị CS tử hình trong lao tù.

- Tr/U Nguyễn văn Nhiều, K24VBĐL, ĐĐT/ ĐĐ4/TĐ44 BĐQ, đã mất tích trên đường vượt biển sau 1975.

- Cố Đ/U Nguyễn văn Mười, K25VBĐL, ĐĐT/ ĐĐ1/TĐ42 BĐQ, đã anh dũng hy sinh vào đầu tháng 3/1975 tại cầu 92, gần căn cứ 92 trên liên tỉnh lộ 19 Pleiku -Qui Nhơn.

- Cùng các anh em chiến hữu các cấp của LD4 BĐQ và về đơn vị cũ mà nhiều năm tôi phục vụ: ĐĐ2/ TĐ42 BĐQ và TĐ44 BĐQ.

North Carolina ngày 2/12/15



PHI ĐOÀN 221 TRỰC THĂNG và Mặt Trận An Lộc

Người kể Nguyễn Văn Úc

Đôi Dòng Tiểu Sử

- 11-1959: Gia nhập Khoa 16 Trường VBQGVN.
- 12-1962: Khi tốt nghiệp, định chọn TQLC, nhưng lại được tuyển về Quân Chung Không Quân.
- 4-1963: Học Hoa Tiêu Trực Thăng tại Hoa Kỳ.
- 5-1964: Tốt nghiệp về phục vụ tại Phi Đoàn 217, Không Đoàn 33 Chiến Thuật, sau này di chuyển về Không Đoàn 74 Chiến Thuật tại Cần Thơ.
- 10-1969: Sĩ quan liên lạc Không Quân tại Hoa Kỳ.
- 1-1971: Phi Đoàn Trưởng PĐ 221, Không Đoàn 43 Chiến Thuật, thuộc Sư Đoàn 3 KQ tại Biên Hoà.
- 1-1973: Không Đoàn Phó KĐ 64 Chiến Thuật, thuộc Sư Đoàn 4 KQ tại Cần Thơ.
- Tham gia các sinh hoạt cộng đồng, đặc biệt ở các hội đoàn cựu quân nhân tại Orange County, California từ tháng 4-1975 tới nay.

Cuộc đời binh nghiệp của tôi trải qua nhiều giai đoạn, nhưng có lẽ giai đoạn khó khăn nhất, nhưng mang nhiều ý nghĩa nhất là khi tôi nhận trách nhiệm yểm trợ cho mặt trận An Lộc vào năm 1972.

Tôi được chuyển về Đ 3 KQ tại Biên Hoà và là phi đoàn trưởng 221 trực thăng từ đầu năm 1971. Nhờ thế, tôi đã thu thập được nhiều kinh nghiệm về hành quân trực thăng vận và quen thuộc với địa thế vùng này. Đầu năm 1972, khi An Lộc bị VC tấn công và mặt trận trở nên khốc liệt, phi đoàn 221, là một trong 3 phi đoàn trực thăng của Sư Đoàn 3 KQ, đã được chỉ định yểm trợ trực tiếp cho quân bạn đang chiến đấu tại đây.



Trong một buổi họp tham mưu với Tư Lệnh Sư Đoàn 3 KQ tại Bộ Chỉ Huy Tiền Phương QĐ III tại Lai Khê, Chuẩn Tướng Huỳnh Bá Tính, Tư Lệnh Sư Đoàn 3 KQ, cùng Đại Tá Nguyễn Văn Tường, biệt danh Tường “mực” (vì da của ông khá đen nên đơn vị gọi ông là “mực”), Chuẩn Tướng Tính đã ra lệnh cho tôi,

- Anh chịu trách nhiệm chỉ huy trực thăng, yểm trợ cho mặt trận An Lộc.

Tôi đã tuân hành sự chỉ định này và thực hiện ngay các nhiệm vụ cần thiết. Khi cuộc chiến bắt đầu xảy ra, tôi thường bay C&C ra và vào An Lộc. Tôi đã chỉ huy phi đoàn trực thăng 221 đổ LĐ 81 Biệt Kích xuống Đồi Gió, (một ngọn đồi ở phía Đông Nam, ngay sát thị xã An Lộc.) vào khoảng ngày 7 hay 8 tháng 4-72. Ngày hôm sau, tôi lại cùng phi đoàn chuyển quân tiếp viện của Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù vào cùng địa điểm. Khi đang bay, Đại tá Lê quang Lương đã nói với tôi,

- Đến chuyển cuối cùng, anh chở tôi về Chơn Thành để tôi đi với “slick” (trực thăng chuyên quân) lên.

- Đại tá muốn đáp sau đơn vị cuối cùng phải không? Tôi hỏi.

- Anh dám đáp không? Đại Tá Lương hỏi.

Tôi nói qua máy truyền tin (intercome),

- Thật sự khi bay C&C, mình chấp nhận đưa lưng cho người ta bắn. Trực thăng chở quân vào thường bay “raise mode”, sát ngọn cây để tự bảo vệ, nên đã hạn chế tầm quan sát của đối phương. Bay với cao độ như vậy, trực thăng vừa xuất hiện đã biến mất khỏi tầm nhìn của địch. Bọn chúng khó phản ứng vì không đủ thời gian. Ngược lại, C&C luôn bay ở cao độ từ 2500 đến 3000 bộ, nên dễ bị bắn lắm.

- Vây thì thôi. Tôi sẽ theo chuyến cuối cùng xuống Đồi Gió.

Các đợt chuyển quân cứ thế, đến rồi đi, rồi quay trở lại nhiều lần trực thăng vận mới



Thiếu tá Ưc và vợ con, 1972
xong toàn bộ quân số của cả lữ đoàn. Cuối cùng, tôi thả Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn ND cùng với Đại tá Lương, và Bùi Quyền, Trưởng Ban 3 Lữ Đoàn, xuống bãi đáp đang mịt mù đất và khói bụi. (Anh Bùi Quyền vốn là người bạn cùng khoá của tôi.) Trên đường vào An Lộc, tôi đã cho anh Quyền mượn một headset để có thể nghe được cuộc liên lạc giữa tôi và các đơn vị bộ binh, giữa Không Quân, và để có thể nhận lệnh trực tiếp từ vị Lữ Đoàn Trưởng. Cuối cùng, cuộc đổ quân tiếp ứng đã hoàn tất trong giai đoạn đầu của cuộc chiến.

Vào trung tuần tháng 4-72, khoảng một tuần sau, Phi Đoàn 221 lại chịu trách nhiệm trực thăng vận Trung Đoàn 8, SD 5 BB từ Lai Khê vào thẳng thị xã An Lộc. Lúc này, VC đã chiếm

nửa thành phố về phía Bắc, trong khi lực lượng trú phòng đang ngăn chặn chúng ở phía Nam. Vào lúc 5 giờ chiều, phi đoàn đã trực thăng vận được 2 tiểu đoàn của trung đoàn này, nhưng vì trời mưa rất lớn nên kế hoạch đưa tiểu đoàn còn lại bị hoãn cho đến ngày hôm sau. Tôi đã ra lệnh các trực thăng ở lại Lai Khê, trong khi tôi vào thăm Tướng Lê Văn Hưng và ở lại qua đêm. Ngày hôm sau, khi tôi trở lại Lai Khê để chuyên chở nốt tiểu đoàn cuối cùng, thì cũng là ngày VC dùng xe tăng T54 tấn công vào thành phố. (LD3 BĐQ đã được trực thăng vận lên An Lộc ngay từ đầu trận đánh, trước khi CS tấn chiếm cầu Cần Lê, phía Bắc An Lộc 10 km - Ban Biên Tập.)

Ngoài ra, Phi Đoàn 221 còn chịu trách nhiệm tiếp tế và tải thương. Mỗi lần bay như vậy, phi đoàn cho 4 chiếc slick (trực thăng), cùng 3 chiếc gunship theo để yểm trợ, thay vì 2 như thường lệ. Với hỏa lực hùng mạnh của 3 chiếc gunship, và sự linh hoạt của nó, mới đủ sức áp đảo hỏa lực phòng không của địch vốn rất mạnh ở đây. Tất cả bay “raise mode” (bay thấp chỉ trên ngọn cây để đối phương không thấy và không kịp bắn) từ Tân Khai lên.

Cách cho “slick” bay sát ngọn cây để tránh ít bị VC bắn, nhưng phải bay theo cùng một lộ trình ngày này qua ngày khác nên không tạo được yếu tố bất ngờ, đã bộc lộ nhiều khuyết điểm. Chúng đã nghĩ ra cách ngăn chặn đoàn trực thăng ra vào An Lộc, bằng cách bố trí người nằm trên đọt cây cao su rồi dùng súng chặn bắn. Mặc dù cố gắng nhưng một số máy bay vẫn bị trúng đạn của CSBV và phi hành đoàn bị thương khá nhiều. Các trực thăng dù không bị rơi nhưng khi về đến phi trường mới biết máy bay bị trúng đạn qua những lỗ thủng còn lưu lại trên thân. Tình hình đã xấu nhưng vẫn chưa phải là xấu nhất, cho đến khi có 2 chiếc bị bắn nổ trên bầu trời cùng với phi hành đoàn. Tôi đã ra lệnh ngưng thực hiện các phi vụ, để chờ lệnh của Sư Đoàn 3 KQ.

Tôi đã đề nghị với Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh QĐ III, khi ông lên thị sát mặt trận,

- Thừa Trung Tướng, với mức độ thiệt hại như vậy, mình không thể tiếp tục yểm trợ quân bạn. Sự tổn thất hàng ngày sẽ khiến chúng ta không còn phương tiện. Đề nghị Trung Tướng tìm cách khác.

- Anh có cách nào không?

- Có thể sử dụng C123, hay C130 thả dù.

Sau khi họp với ban tham mưu, ông đã đồng ý với ý kiến của tôi. Ông đã đề nghị với Bộ Tư Lệnh KQ cho sử dụng C 123 và C 130. Tiếp tế bằng loại máy bay này lại bộc lộ khuyết điểm khác. Vì phải bay cao để tránh hỏa lực phòng không của VC nên tỷ lệ hàng tiếp tế cho quân bạn chỉ khoảng 50%. Đa số đã lọt vào tay VC. Do đó, các chiếc máy bay này đã bay “raise mode” để việc thả dù chính xác hơn. Vì thế các phi hành đoàn gặp khó khăn hơn. Không linh hoạt như trực thăng, các máy bay này coi như “phơi bụng” chờ CSBV dùng đủ loại súng bắn. Cuối cùng, một chiếc C123 đã bị phòng không VC bắn rơi trên An Lộc. Tôi không rõ sự tổn thất của phi hành đoàn, nhưng chắc chắn không hứa hẹn điều tốt lành. Từ đó, việc dùng trực thăng để tiếp tế gần như không thể thực hiện. Khi tình hình chiến sự tại mặt trận An Lộc trở nên nghiêm trọng, đơn vị trú phòng chỉ còn dựa vào sự yểm trợ của B52, F5, và Cobra, phần lớn của không lực Mỹ. Vì chưa triệt hạ được hệ thống phòng không của VC hoàn toàn, Cobra cũng bị tổn thất nhiều dù đã bay ở độ cao 5000, 6000 bộ.

Sau 2 tuần lễ, trong buổi thuyết trình của QĐ III cho Trung Tướng Trần Văn Minh, Tư Lệnh Không Quân. Sau phần thuyết trình, Trung Tướng Minh, xoay qua Chuẩn Tướng Tính, nói,

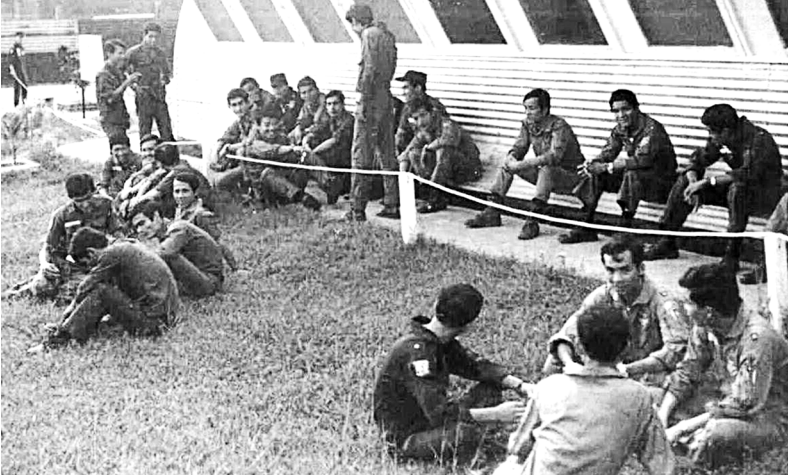
- Tôi nghĩ Th/Tá Úc có kinh nghiệm thực tế, do đó giao nhiệm vụ cho Thiếu tá Úc là hợp lý.

Chính vì thế, tôi không còn cơ hội khác hơn là tận tình thực hiện nhiệm vụ của một quân nhân. Hai ba ngày sau, viên tướng cố vấn Mỹ thuộc QĐ III nói với chúng tôi,

- Đã có đến 4 chiếc trực thăng của chúng tôi (Hoa Kỳ) vào An Lộc và không bị bắn.

Chuẩn Tướng Tính đã yêu cầu tôi kiểm soát lại. Tôi ra bãi đáp sân bay Lai Khê thì thấy 4 chiếc trực thăng của Mỹ vẽ 4 vạch trắng từ lườn bên này sang bên kia. Ngoài ra, phi hành đoàn còn đội helmet trắng. Tôi đã biết rằng chúng tôi đang bị chơi xỏ.

Tôi bình tĩnh cầm tấm bản đồ nói với viên thiếu tá phi



Các phi công của Phi Đoàn 221 trong giờ nghỉ ngơi, 1972

công trực thăng Hoa Kỳ,

- I heard that you led to An Lộc with your 4 helicopters anh came back without being shot? (Tôi nghe nói ông đã hướng dẫn 4 trực thăng vào An Lộc mà không bị bắn?)

- Yes, Sir.

- Show me which flight path to go. (Chỉ cho tôi đường bay.)

Ông ta chỉ con đường đi vòng lên Tổng Lê Chân rồi vào An Lộc. (Lúc này căn cứ TLC đang bị vây hãm, và tất cả vùng này đang nằm dưới sự kiểm soát của CS.). Nếu tôi ngây thơ nghe ông ta thì chắc chúng tôi không còn ai để tới mục tiêu.

Tôi đã nói với ông ta rằng tôi có thể bay lệch sang trái hoặc phải 500m vì không nắm chính xác đường bay, do đó có thể bị VC bắn hạ. Tôi nói thêm,

- You anh I flight on my helicopper, then show me exactly the flight path to An Lộc. (Tôi và ông cùng bay trên máy bay của tôi, rồi ông chỉ cho tôi chính xác đường vào An Lộc.)

- No, Sir. I can't.

Cho đến nay tôi vẫn không hiểu dụng ý của phía Mỹ khi báo cho chúng tôi biết là họ có thể vào An Lộc bằng cách riêng của họ. Tất cả máy bay của ta đều sơn màu ngụy trang, phi hành đoàn phải dùng quân phục ngụy trang, mũ được sơn màu ngụy trang, thế mà các phi cơ không tránh khỏi bị bắn trong suốt đường bay. Trong khi đó, máy bay của họ sơn vạch trắng, phi công đội mũ sơn trắng. Thật là một câu chuyện nực cười!

Tôi đã trở lại phòng họp và không dấu khỏi sự bức dọc khi trình bày lại vấn đề với thượng cấp.

Sau nhiều lần VC tấn công chính diện vào An Lộc bị thất bại và thiệt hại nặng, nơi đây tương đối trở nên yên tĩnh. Địch dường như bị tổn thất nhiều nên không thể mở những trận đánh lớn hơn. Khoảng cuối tháng 5, đầu tháng 6, các đơn vị trấn giữ An Lộc rất cần thêm quân để tái bổ xung, thêm đạn dược, và súng ống để tái trang bị. Vì bị pháo kích và tấn công lẻ tẻ, các đơn vị của ta từng ngày bị thiệt hại dần, như thương binh đang từ từ chảy máu mà không có dụng cụ cầm giữ. Họ cần được tiếp tế và tăng cường quân số mau lẹ.

Khoảng đầu tháng 6-1972, tôi được Trung Tướng Tư Lệnh QĐ III mời họp để bàn về việc trực thăng Trung Đoàn 15 của Sư Đoàn 9 BB và Tiểu Đoàn 6 ND vào An Lộc để tăng cường cho mặt trận. Tôi đã trình bày với Trung Tướng TL/QĐ III,

- Nếu Trung Tướng đồng ý đổ quân theo đề nghị của tôi, tôi có thể đổ hết Tr/Đ15 và TĐ6 ND, với hy vọng thiệt hại tối thiểu.

Cầm bản đồ, tôi đã kín đáo trình bày kế hoạch được phác họa trong đầu với riêng ông. Sở dĩ tôi làm như vậy là để tránh những tin tức hành quân có thể bị lọt ra ngoài, khiến VC có cơ hội chặn đánh. Sau khi nghe tôi thuyết trình, ông nói,

- Tôi đồng ý.

Quay sang các đơn vị trưởng bộ binh, tôi nói,

- Vào 6 giờ sáng mai, trước khi trực thăng vận, tôi sẽ thuyết trình với quý vị địa điểm và cách đổ quân.

Sáng hôm sau, tôi đã trình bày cùng Trung Tá Cần, Trung Đoàn Trưởng TĐ 15, và vị TĐT/TĐ6 Nhảy Dù,

- Đây là một cuộc đổ quân mà trực thăng không đáp. Máy bay chỉ “hoover” (bay là là) cách mặt đất khoảng 1m, rồi các đơn vị bộ binh tuần tự nhảy xuống, vì địa điểm này là một khu rừng chồi nên máy bay không thể đáp thẳng xuống đất.

Tôi đã bay C&C từng ngày ra vào An Lộc nên gần như thuộc lòng địa thế nơi đây. Một khu vực nằm bên trái Tân Khai, cách An Lộc 3 km về phía Nam, bên trái QL 13, là một khu rừng thưa sát rừng cao su, diện tích khá lớn. Khu vực này không tiện cho trực thăng đổ quân, nhưng lại rất thuận lợi cho ta nếu thực hiện ý định này, vì VC không nghi ngờ nên chỉ bố trí vài chốt nhằm ngăn chặn và báo động nếu các đơn vị của ta muốn di chuyển về phía Nam (hướng Saigon).

(SĐ3 KQ có 3 Không Đoàn Chiến Thuật, 1 Không Đoàn Yểm Cứ lo bảo vệ an ninh, và Không Đoàn Kỹ Thuật.

- 3 Không Đoàn CT gồm: Không Đoàn 43 CT, Không Đoàn 23 CT (khu trực), và 1 Không Đoàn 63 CT (F5).

- Không Đoàn 43 CT gồm các Phi Đoàn 221 UH1 Trực Thăng, 223 UH1 Trực Thăng, 231 UH1 Trực Thăng, và Phi Đoàn 237 CH 47 Chinook. Sau 1972, Không Đoàn này có thêm 2 Phi Đoàn Trực Thăng 245 và 251.)

Đây là lần đầu tiên tôi chỉ huy một cuộc đổ quân dùng một hợp đoàn, gồm khoảng 30 chiếc, thuộc 3 phi đoàn trực thăng

của Đ3 KQ, cùng một lúc, chưa kể trực thăng chiến đấu. Một phi đoàn có khoảng 33 đến 38 trực thăng. Nhưng trên thực tế, mỗi phi đoàn chỉ có thể dùng khoảng 10 cho mỗi “flight” (phi vụ), 3 “gunships” (trực thăng chiến đấu), và một C&C. Lý do là máy bay cần được bảo trì và sửa chữa. Bình thường, mỗi “flight” của phi đội dùng khoảng từ 10 cho đến 15 trực thăng chở 1 đại đội, đổ xuống mục tiêu rồi quay về bốc đại đội kế tiếp. Giờ đây 3 phi đoàn gồm khoảng 30 chiếc trực thăng, mỗi



Phi Đoàn 221 Trực Thăng, 1972.

phi đoàn cất cánh cách nhau 5 phút, trực thăng vận nguyên cả tiểu đoàn bộ binh xuống mục tiêu, trong một lần.

Trong đợt đổ quân đầu, một “gunship” đã bị bắn hỏng nhưng đã cố gắng bay vào khu vực có quân bạn nên cả phi hành đoàn được cứu. Các đợt sau các máy bay đều bị bắn và bãi đáp bị pháo kích. Qua báo cáo từ dưới đất, cho biết VC cũng đã pháo kích vào vị trí gây thiệt hại ít nhiều cho đơn vị bạn. Rõ ràng VC đã không kịp chuẩn bị để tấn công đơn vị này. Khi về đến Lai Khê, kiểm soát lại chúng tôi mới thấy các máy bay chở quân (slick) cũng bị trúng đạn nhiều qua những lỗ thủng trên thân, nhưng may mắn không có chiếc nào bị hư hỏng nặng.

Cuối cùng, cuộc hành quân trực thăng vận đã chấm dứt với tổn thất được coi như tối thiểu, như dự đoán. Qua tin tức của phòng hành quân, tôi được biết đơn vị này đã bắt tay được với các đơn vị phòng thủ, khoảng 2 hay 3 ngày sau đó.

Phi Đoàn 221 cũng đã trực thăng vận Tiểu Đoàn 6, thuộc LĐ1 ND xuống Đồi Gió, An Lộc. Khi tới đây, TĐ6 được lệnh phòng thủ trên đồi. TĐ đã bố trí 2 đại đội nằm trên, và 2 ĐĐ dưới chân đồi. Đêm hôm sau, VC đã tấn công và chặt đơn vị này làm hai. Vì áp lực của địch quá mạnh, 2 đại đội phía dưới phải dạt về hướng Nam và bố trí trong một trảng rừng cao su, trong khi 2 đại đội phòng thủ phía trên được lệnh rút vào thị xã.

Phi đoàn 221 đã phải “bốc” 2 đại đội này về lại Lai Khê để bổ xung quân số cho cuộc đổ quân sau này. Vì quân số còn đông trong khi phương tiện chuyên chở giới hạn, nên có chiếc trực thăng phải chở đến khoảng 30 người, đến nỗi phi công phải “overdrive” (bắt máy móc làm quá sức) để cất cánh. Khi về tới căn cứ, chiếc trực thăng này đã bị bỏ do máy đã hư hỏng. Trong giai đoạn này, SĐ 21 BB cũng đã được chuyển tới đây nhưng việc chuyên chở do một phi đoàn trực thăng tại Vùng 4 đảm trách.

Trong thời gian giữa tháng 4 và đầu tháng 5, tôi vẫn bay C&C để chỉ huy. Một lần, tôi, ĐT Tường “Mực”, và viên Đại Tá Cố Vấn SĐ3 KQ bay vào AL để quan sát tình hình. Đột nhiên, phòng không 23 ly của CSBV bắn nổ cách tôi khoảng 50m, khiến máy bay bị dội ngược quay ngang 90 độ, khi cơn cuồng phong của sức nổ không hất vào thân máy bay. Chúng tôi may mắn không ai bị thương nhưng đã bị giao động dữ dội. Về đến Lai Khê, chúng tôi mới biết cánh quạt đuôi có nhiều lỗ thủng. Thật là một kinh nghiệm khủng khiếp!

Mặc dù phi đoàn 221 có khoảng 30 trực thăng chuyên chở, nhưng phi đoàn có đến 110 sĩ quan hoa tiêu, 110 hạ sĩ quan trong đó một nửa là cơ khí viên phi hành và một nửa là xạ thủ

phi hành. (Trong số những hoa tiêu này, tôi còn gặp các anh Nguyễn Văn Thân, Vũ Từ Hạnh, Đàm Khánh Thụy, Nguyễn Văn Điều, Vinh “râu”, Mai Văn Quế,...) Các hoa tiêu và phi hành đoàn không thể bay liên tục trong thời gian dài, do đó họ cần được phân công bay theo lịch trình ấn định và có thời gian để nghỉ ngơi.

Ngoài ra, Phi Đoàn 221 cũng có một số “gunships” giữ nhiệm vụ yểm trợ cho trực thăng chở quân (slick). Tuy nhiên trên thực tế, các trực thăng võ trang (gunship) cũng yểm trợ hỏa lực cho các đơn vị bộ binh khi có yêu cầu. VC rất sợ loại máy bay này vì hỏa lực mạnh, độ chính xác rất cao, và sự



linh hoạt của nó. Khi trở về Lai Khê, các trực thăng võ trang thường dùng hết đạn được mang theo.

Khi yểm trợ cho An Lộc, các phi công đôi khi mỗi ngày phải thực hiện 2 phi vụ khi có nhu cầu của chiến trường. Trong giai đoạn đầu khi cần chuyển quân và khi mặt trận chưa nặng, các phi công bay ra và vào An Lộc nhiều lần cho đến khi nào nhiệm vụ hoàn thành. Nhưng khi mặt trận trở nên khốc liệt, mỗi phi hành đoàn có thể chỉ bay một lần và phi vụ kế tiếp dành cho phi hành đoàn khác, nếu cần, vì việc điều khiển phi

cơ chính xác tùy thuộc rất nhiều vào sự tinh táo của họ.

Ra vào một mặt trận không phải là chuyến bay dạo trên không, mà là những nguy hiểm mà các phi hành đoàn sẽ phải đối mặt. Mỗi lần vào An Lộc là mỗi lần như đi vào đất chết. Chúng ta cố gắng tiếp tế, chuyển quân cho An Lộc, trong khi VC cố tình ngăn chặn bằng cách bắn hạ trực thăng, phương tiện liên lạc duy nhất với nơi đây. Họ có thể nhận lãnh đạn AK, phòng không của CSBV trên đường bay đến và đi, nhận lãnh pháo kích khi đang ở bãi. Nhưng họ vẫn giữ bề ngoài tươi tỉnh, sẵn sàng chấp nhận tương lai bất trắc. Để làm tròn nhiệm vụ, phi hành đoàn gồm những phi công trẻ phải là những người can đảm, sẵn sàng chấp nhận hy sinh. Khi trực thăng cất cánh điều suy nghĩ duy nhất là làm sao thực hiện xong phi vụ và mong trở về an toàn.

Một lần, tôi đã nói chuyện với họ,

- Anh em nhớ, thời tôi mới ra trường làm phi công, VC chỉ dùng súng nặng nhất là AK, hoặc đại liên. Giờ đây, các anh sẽ đối diện với vũ khí nhẹ nhất là AK. Đừng lơ là, đùa dỡn khi điều khiển máy bay. Cần cố gắng giữ mạng sống của mình bằng cách theo đúng nguyên tắc, vì phi công chết vì chiến tranh chỉ chiếm khoảng 20%, còn 80 % chết vì trở ngại kỹ thuật, hoặc vì sự lơ đãng, coi thường nguyên tắc điều khiển máy bay.

Phi hành đoàn và các đơn vị bộ binh đón nhận sự nguy hiểm có khác nhau. Sau thi hành một phi vụ xong trở về, phi hành đoàn có thể nghỉ ngơi chờ phi vụ tới. Nhưng các đơn vị bộ binh phải đối diện với nguy hiểm liên tục cho đến chừng nào mặt trận chấm dứt. Phi hành đoàn chỉ chịu đựng ngắn hạn sự nguy hiểm, nhiều nhất là 30 phút, đến và đi khỏi mặt trận. Nhưng trong khoảng thời gian đó, phi hành đoàn trở thành mục tiêu chính của VC và có thể bị bắn hạ bằng nhiều loại súng của chúng bất cứ lúc nào. Định mệnh mỗi người tùy thuộc hoàn toàn vào sự may mắn, tính toán chính xác của phi

công và các xạ thủ.

Sau 40 năm kể từ 30-4-75, hôm nay tôi có dịp cảm ơn các quân nhân thuộc Phi Đoàn 221 đã góp sức cùng tôi làm tròn trách nhiệm nặng nề trong nhiều mặt trận, ở nhiều nơi, đặc biệt vào Mùa Hè Đỏ Lửa ở chiến trường An Lộc. Nơi đây, Phi Đoàn 221 đã phải thực hiện nhiều phi vụ vô cùng nguy hiểm, các phi công và các xạ thủ đã phải chịu đựng áp lực tinh thần nặng nề, cũng như sự tổn thất lớn. Chỉ có những người có tinh thần kỷ luật quân đội cao và đầy lòng can đảm mới có thể chu toàn nhiệm vụ. Nhân dịp này, tôi xin nghiêng mình trước sự hy sinh của những người đã khuất. Phi đoàn 221 được mọi người nể trọng là do sự đóng góp của tất cả mọi người. Có thể nói, mặt trận An Lộc kéo dài khoảng 90 ngày thì tôi có mặt ở bầu trời AL khoảng 70 ngày. Tôi không bao giờ nghĩ có thể sống sót để gặp mặt gia đình, vợ con sau những tháng ngày yểm trợ cho mặt trận. Thượng đế đã thương anh em chúng tôi vì đến nay vẫn còn có thể gặp lại nhau. Những quân nhân của Phi Đoàn 221 Trục Thăng, còn sống sót sau chiến dịch 1972, chắc cùng ý nghĩ như tôi.

